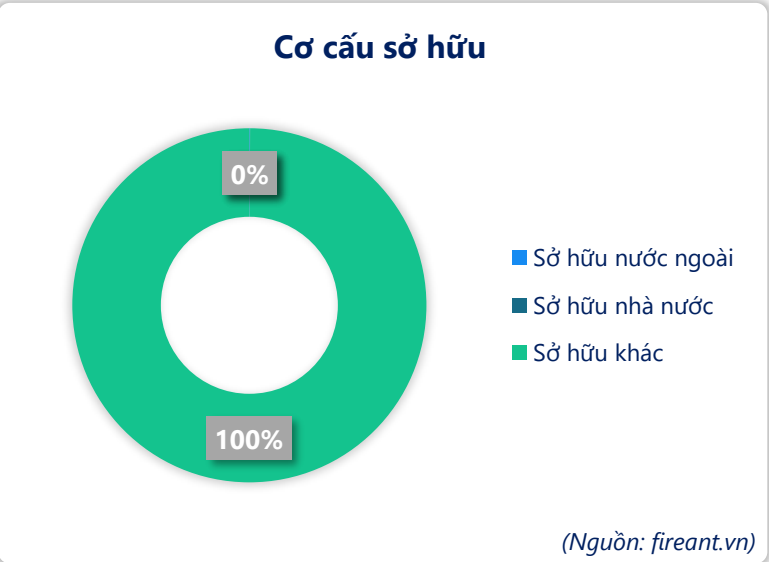
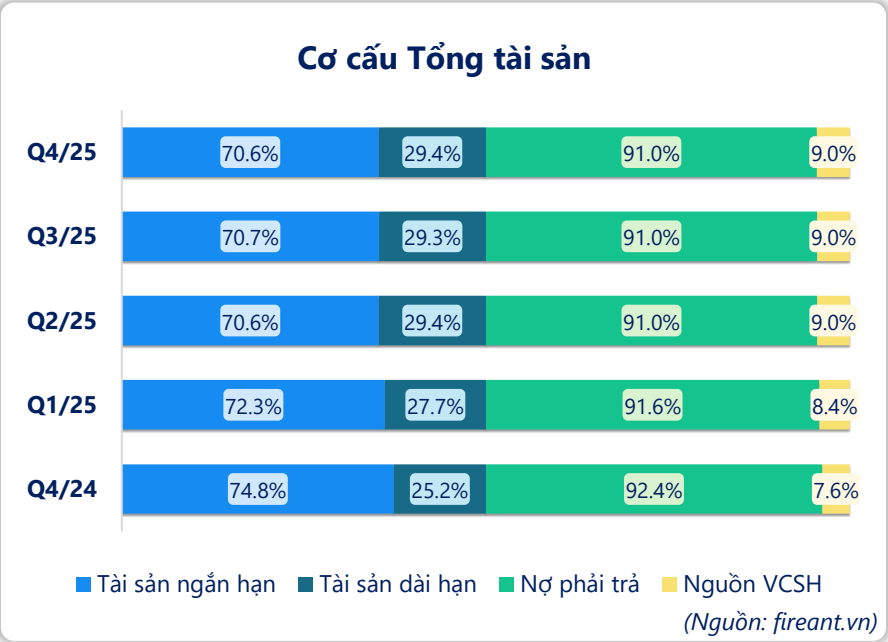
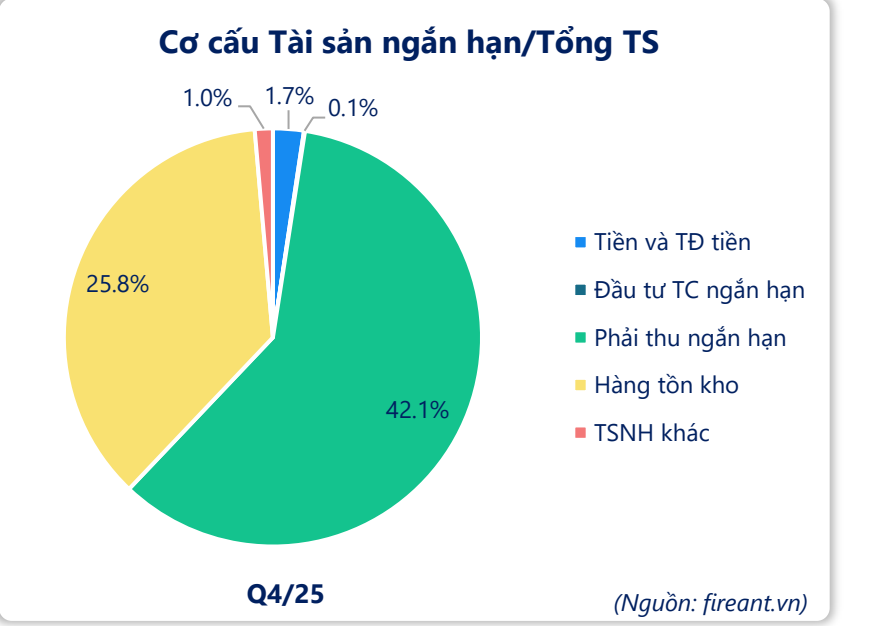
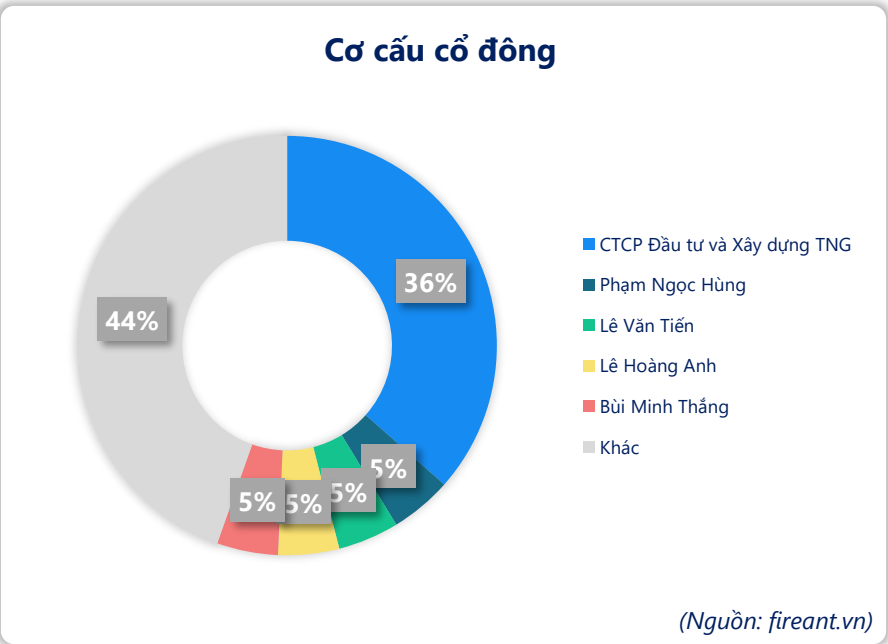
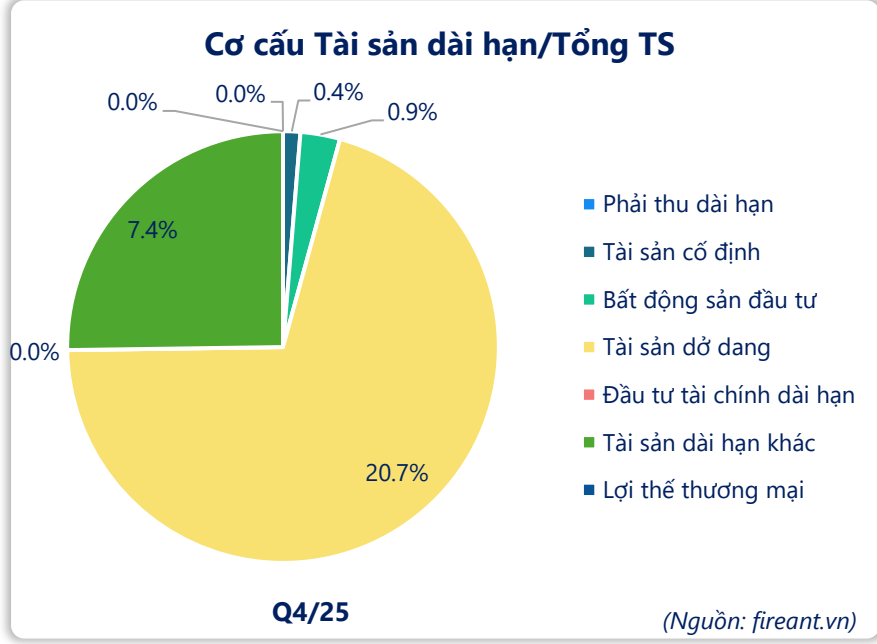
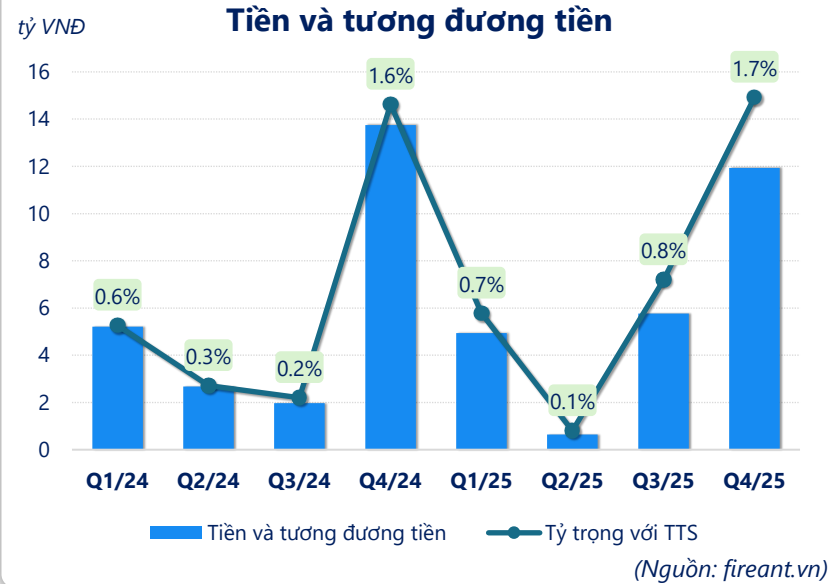
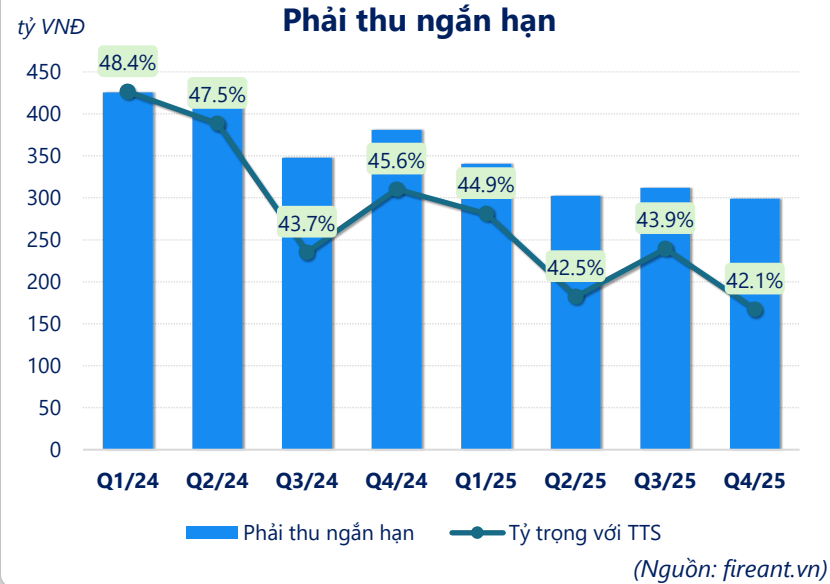
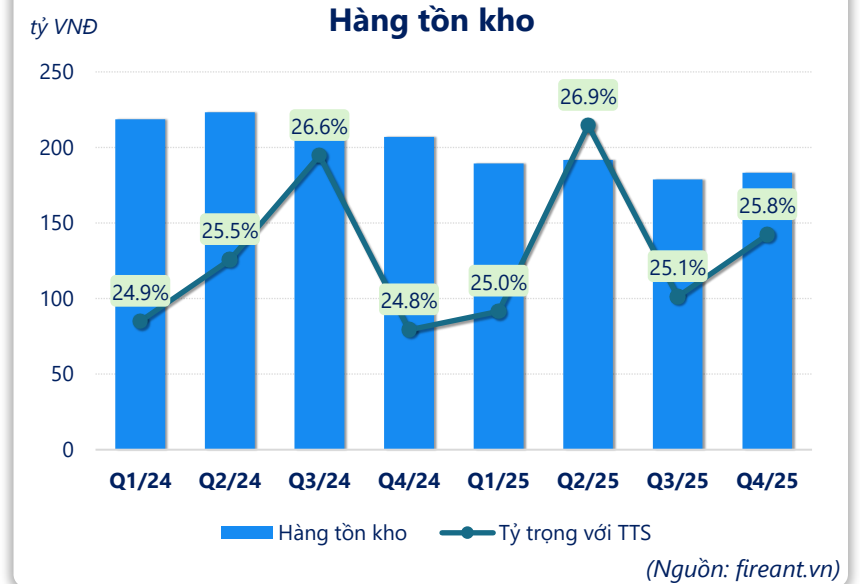
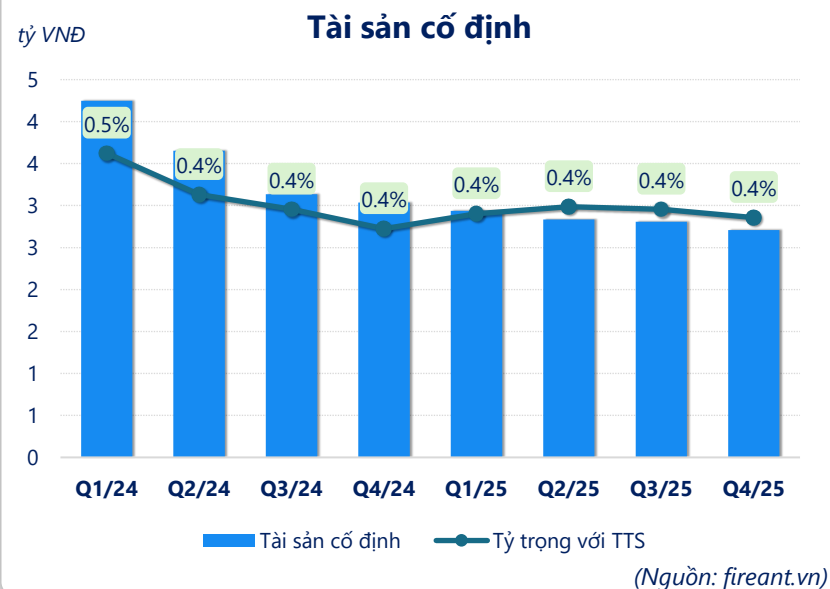
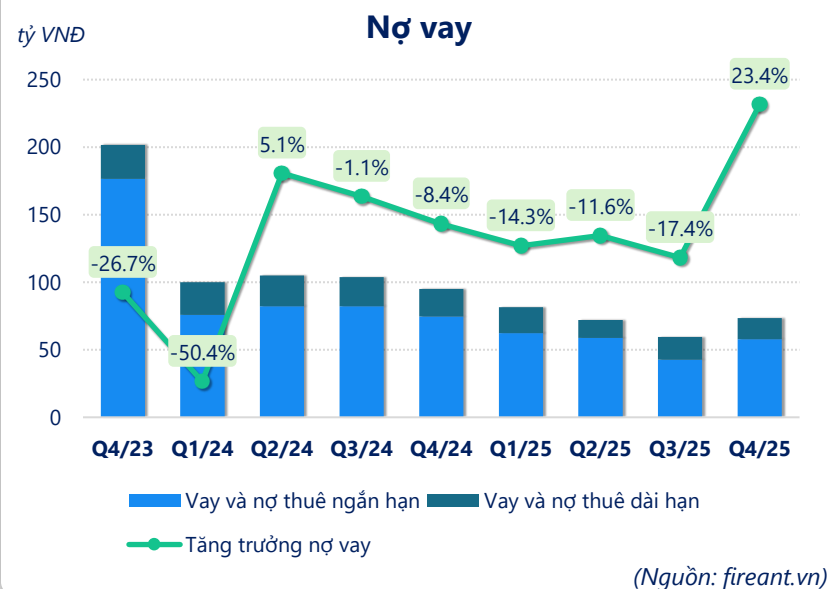
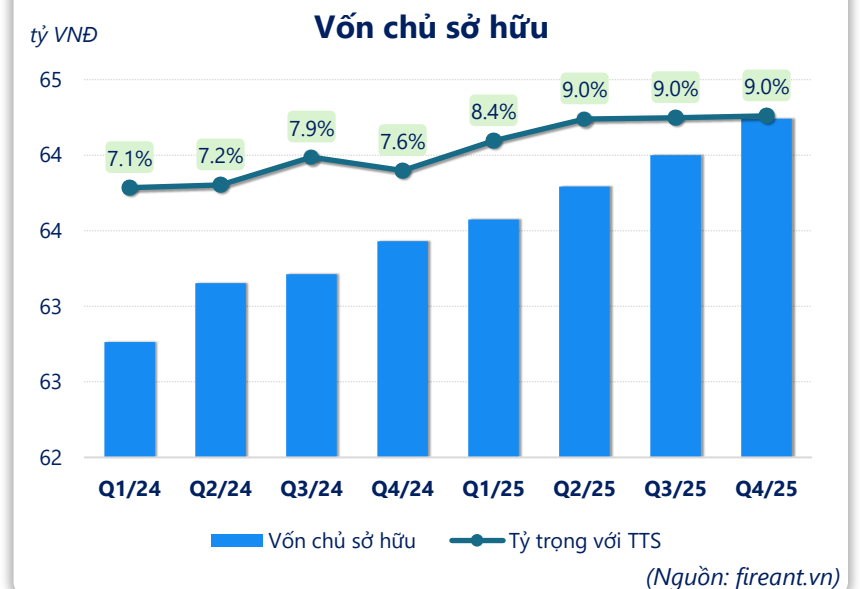
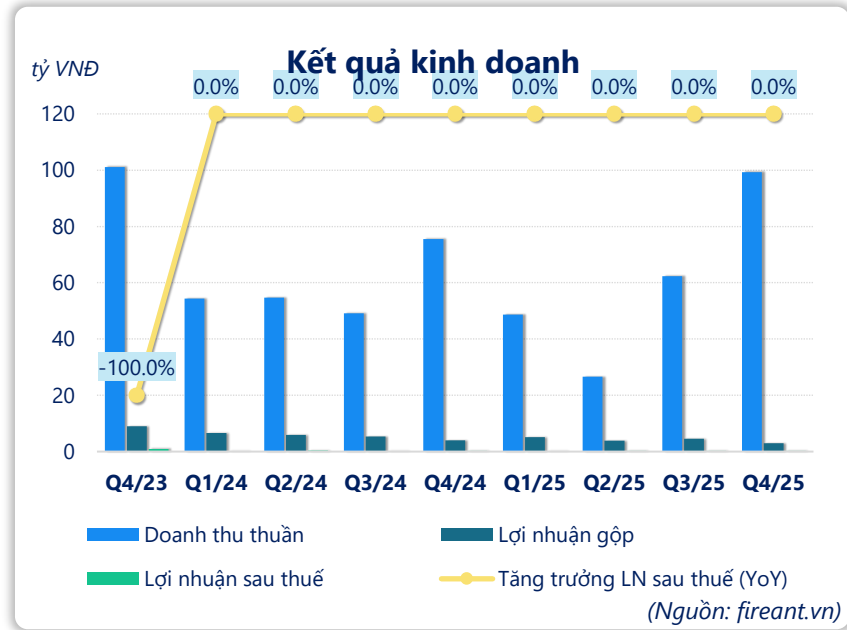
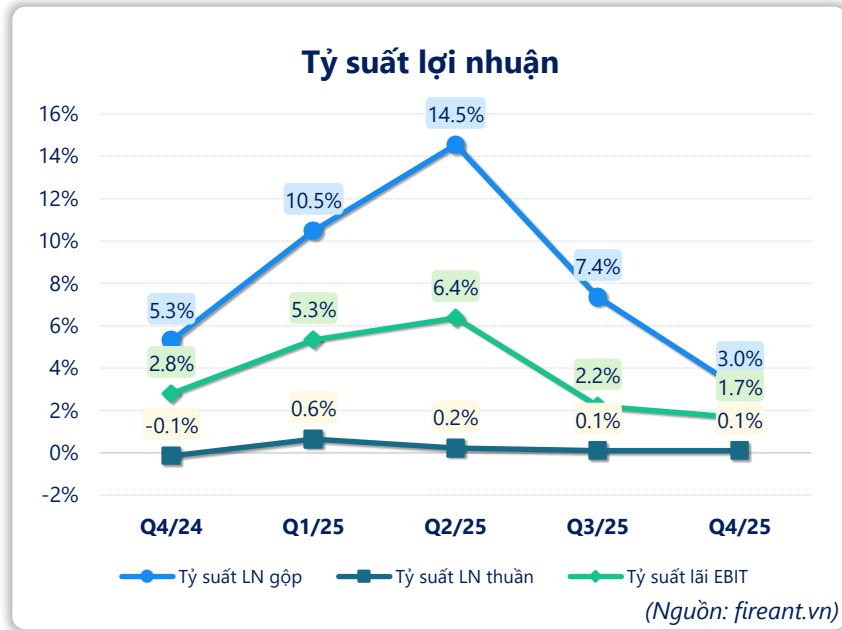
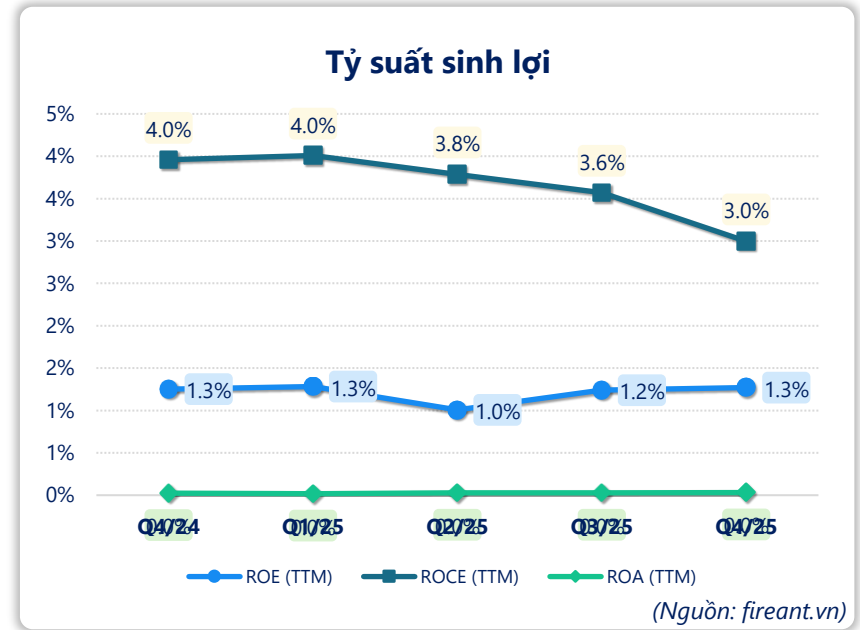
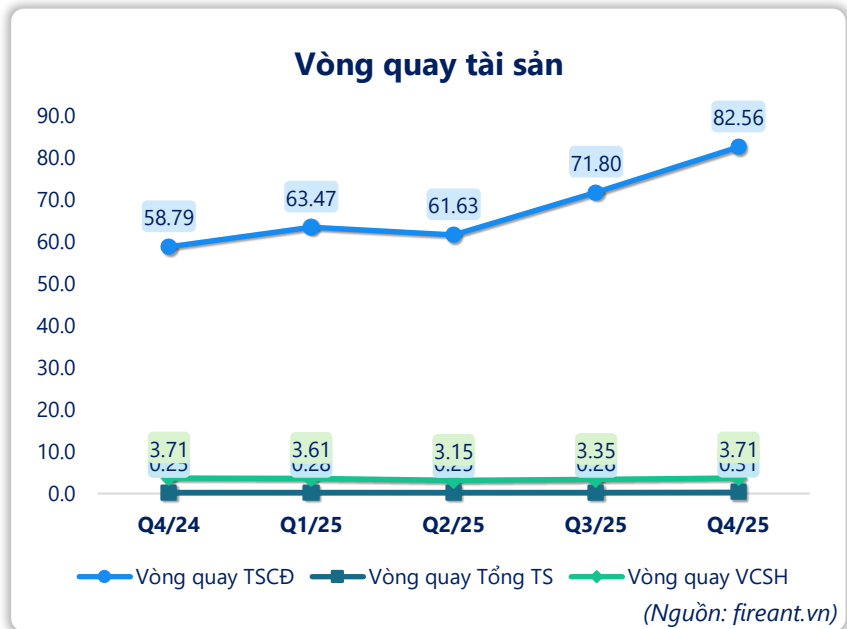
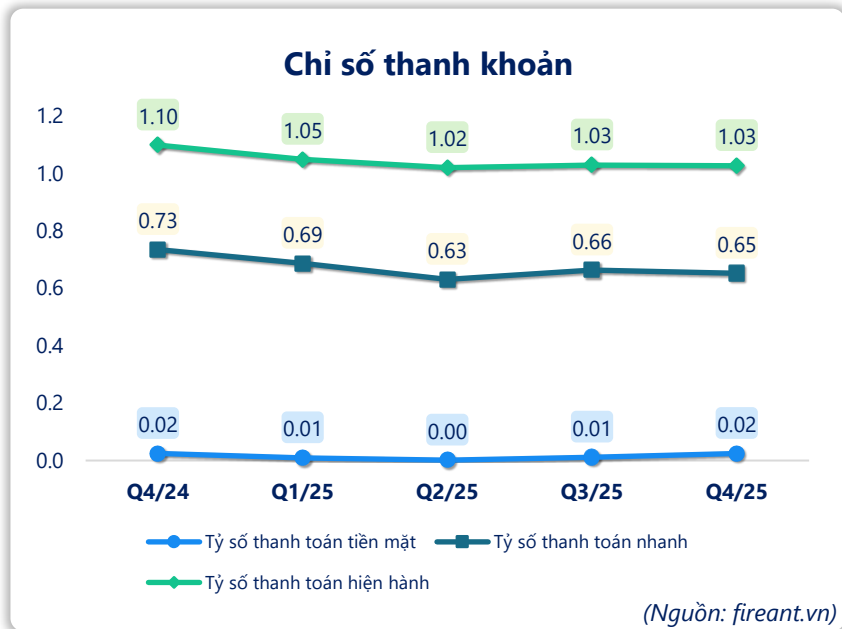
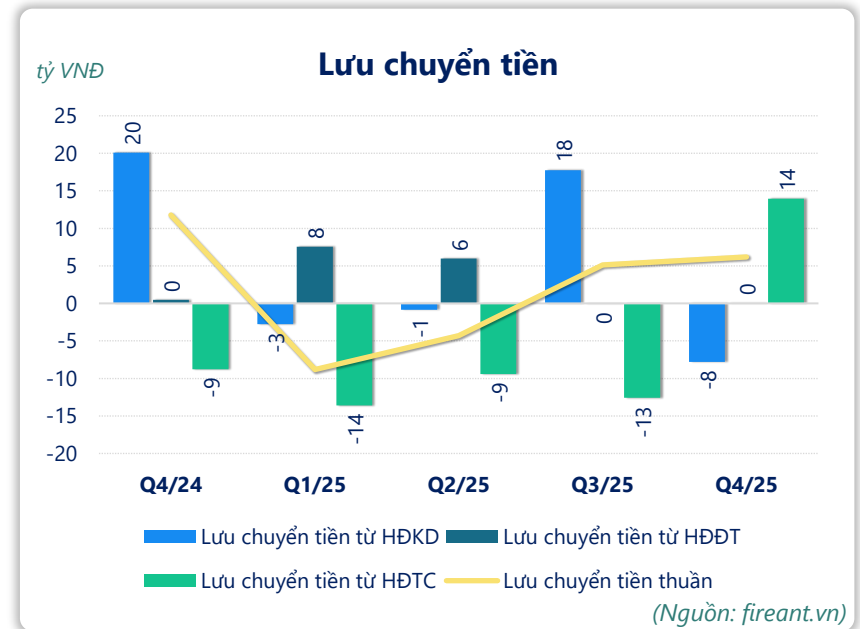


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,500
SL cổ phiếu LH		16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,225
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		62
P/E		76.2
EPS		49

	YTD	1T	3T	6T
VC9	-21.3%	-2.6%	-7.5%	-7.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	711	834	-14.8%
Tài sản ngắn hạn	502	623	-19.5%
Tiền và tương đương tiền	11.9	13.7	-13.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	13.3	-97.0%
Phải thu ngắn hạn	299	380	-21.2%
Hàng tồn kho	183	207	-11.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.00	9.78	-28.5%
Tài sản dài hạn	209	211	-0.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.71	3.03	-10.8%
Bất động sản đầu tư	6.20	6.39	-2.9%
Tài sản dở dang	147	147	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	52.7	54.9	-3.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	646	771	-16.1%
Nợ ngắn hạn	489	568	-13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.8	74.6	-22.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	198	214	-7.4%
Nợ dài hạn	158	203	-22.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.6	20.4	-23.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	64.2	63.4	1.3%
Vốn chủ sở hữu	64.2	63.4	1.3%
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	75.5	48.7	26.7	62.4	99.3
Giá vốn hàng bán	71.5	43.6	22.8	57.8	96.3
Lợi nhuận gộp	4.00	5.10	3.88	4.59	3.00
Doanh thu HĐTC	0.14	0.48	-0.04	0.00	0.01
Chi phí TC	1.89	2.45	1.48	1.17	1.41
Chi phí lãi vay	1.89	2.45	1.48	1.17	1.41
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.37	2.82	2.29	3.36	1.49
LN thuần từ HĐKD	-0.11	0.32	0.06	0.07	0.11
Lợi nhuận khác	0.33	-0.17	0.16	0.14	0.13
LN trước thuế	0.22	0.14	0.22	0.21	0.24
Lợi nhuận sau thuế	0.22	0.14	0.22	0.21	0.24
LNST của CĐ cty mẹ	0.22	0.14	0.22	0.21	0.24

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.1	-2.78	-0.86	17.7	-7.79
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.48	7.55	5.98	-0.07	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.77	-13.6	-9.41	-12.6	13.9
Tiền đầu kỳ	1.97	13.7	4.93	0.64	5.76
Lưu chuyển tiền thuần	11.8	-8.82	-4.29	5.12	6.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.7	4.93	0.64	5.76	11.9

(Nguồn: fireant.vn)